

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2023.

*“V/v: Kiện không công nhận là
vợ chồng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Long

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Ánh Sửu.

Ông Nguyễn Khắc Vũ.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - bộ Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Văn Hai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2023 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án ***“Kiện không công nhận là vợ chồng”*** thụ lý số: 486/2022/TLST-HN&GD, ngày 06/12/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX-ST, ngày 20/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29 ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1982 - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2022 và quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đinh Thị N và ông Trần Xuân H về sống chung với nhau năm 1999, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi nhưng không đăng ký kết hôn, cuộc sống chung không được hạnh phúc nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, không thể khắc phục. Đến nay, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Vì vậy, bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Trần Xuân H là vợ chồng.

* Về con chung: Bà Đinh Thị N và ông Trần Xuân H có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 22/05/2000 và Trần Phúc H', sinh ngày 14/11/2007. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi và đã có gia đình ở riêng, còn cháu H' chưa đủ 18 tuổi nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đinh Thị N không yêu cầu giải quyết.

* *Về tài sản chung và nợ*: Bà Đinh Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của bị đơn ông Trần Xuân H*: Quá trình giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, theo đúng quy định đồng thời liên lạc và thông báo cho ông H theo số Di động của ông H 0838554446 nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cho Tòa án.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Đơn khởi kiện; Giấy khai sinh Trần Phúc H (bản sao); CCCD bà Đinh Thị N (bản phô tô); sổ hộ khẩu gia đình (phô tô).

- Tài liệu chứng cứ, do Tòa án thu thập: Bản tự khai của bà N, biên bản ghi lời khai của bà N; Biên bản xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân của ông H bà N; Công văn của Tòa án yêu cầu UBND xã E cung cấp thông tin về việc ông H bà N có đăng ký kết hôn hay không; Văn bản số 27/UBND TP ngày 09/02/2023 của UBND xã E trả lời Công văn số 08/CV-TA ngày 30/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo.

- Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

*Ý kiến của kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX và nguyên đơn, đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Bị đơn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về thời hạn xét xử: đảm bảo đúng thời hạn quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu không công nhận vợ chồng và giải quyết vấn đề con chung của bà Đinh Thị N là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Đinh Thị N và ông Trần Xuân H là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị N, trình bày bà và ông Trần Xuân H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông Trần Xuân H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã E, huyện

EaH'Leo, thì được cung cấp tại Quyết số 01/PT/HT -1999B mở ngày 01/3/1999 thể hiện: chồng Trần Xuân H – sinh năm 1974, quê quán HL, HK, Hà Tĩnh; vợ Đinh Thị Lê N – sinh năm 1980, quê quán LK, HH, MH, Quảng Bình, đăng ký kết hôn ngày 30/07/1999. Đối chiếu với Sổ hộ khẩu gia đình của ông H, bà N và căn cước công dân của bà N thể hiện: ông Trần Xuân H thì sổ đăng ký kết hôn trùng khớp với sổ hộ khẩu, còn bà N thì không trùng khớp năm sinh và họ lót mà chỉ trùng khớp quê quán, cụ thể: sổ đăng ký kết hôn thể hiện Đinh Thị Lê N, sinh năm 1980 còn sổ hộ khẩu và căn cước công dân thì là Đinh Thị N, sinh năm 1982.

Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo đã có văn bản gửi UBND xã E đề nghị kiểm tra và cung cấp, thông tin về trường hợp ông Trần Xuân H và Đinh Thị Lê N được ghi trong sổ đăng ký kết hôn Quyết số 01/PT/HT -1999B có phải là Trần Xuân H, sinh năm 1974 và Đinh Thị N, sinh năm 1982 hiện trú tại thôn H, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk hiện là đương sự trong vụ án hôn nhân gia đình mà Tòa án đang thụ lý giải quyết hay không?.

Tại công văn số 27/UBND-TP ngày 09/02/2023 của UBND xã E đã trả lời: Hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị Lê N thể hiện tại Quyết số 01/PT/HT -1999B mở ngày 01/3/1999 hiện không còn lưu giữ tại UBND xã E, nên không có cơ sở để xác định hai trường hợp trên có phải là một hay không.

Ông Trần Xuân H vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến đồng thời cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án nên không có cơ sở để xác định ông Trần Xuân H và bà Đinh Thị N có đăng ký kết hôn.

Vì vậy, lời trình bày của bà Đinh Thị N cho rằng bà và ông Trần Xuân H không có đăng ký kết hôn là có căn cứ.

Như vậy, việc bà Đinh Thị N và ông Trần Xuân H sống chung với nhau là tự nguyện, mặc dù có tổ chức cưới hỏi và được hai bên gia đình đồng ý, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Quá trình sống chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Trần Xuân H là vợ chồng. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân & gia đình, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ sống chung bà Đinh Thị N và ông Trần Xuân H, có 02 con chung là: Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 22/05/2000 và Trần Phúc H, sinh ngày 14/11/2007. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi và đã có gia đình ở riêng, còn cháu H' chưa đủ 18 tuổi, bà Đinh Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H' cho đến khi đủ 18 tuổi, bà Đinh Thị N có nhà ở và có thu nhập ổn định từ nghề nông, trong khi đó ông H vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án. Vì vậy, cần giao cháu H' cho mẹ Đinh Thị N tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Thị N không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản chung: bà Đinh Thị N không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đinh Thị N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Na.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đinh Thị N và ông Trần Xuân H là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Trần Phúc H, sinh ngày 14/11/2007 cho bà Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đinh Thị N không yêu cầu giải quyết.

Ông Trần Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Đinh Thị N không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: bà Đinh Thị N, phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 0010945, ngày 25/11/2022.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát KSND huyện EaH'leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Long